

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Anh	1	33	7.5	Bảy rưỡi	
2	Dương Thị Bắc	2	23	7.5	Bảy rưỡi	
3	Phạm Văn Biên	3	14	8.0	Tám	
4	Đỗ Thị Bình	4	43	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Thị Hòa Bình	5	70	8.0	Tám	
6	Lâm Ngọc Châm	6	86	8.0	Tám	
7	Nông Thị Chinh	7	72	7.0	Bảy	
8	Ma Đình Chung	8	04	8.0	Tám	
9	Nguyễn Thị Kim Chung	9	65	8.0	Tám	
10	Phan Văn Công	10	10	6.5	Sáu rưỡi	
11	Đào Thị Cương	11	81	8.0	Tám	
12	Nguyễn Mạnh Cường (A) 1985	12	24	8.0	Tám	
13	Nguyễn Mạnh Cường (B) 1991	13	27	6.5	Sáu rưỡi	
14	Trịnh Văn Định	14	46	7.0	Bảy	
15	Trần Văn Doanh	15	15	7.5	Bảy rưỡi	
16	Đinh Hữu Dũng	16	12	7.0	Bảy	
17	Hầu Văn Dương	17	19	7.5	Bảy rưỡi	
18	Đinh Thị Đức	18	79	8.0	Tám	
19	Bùi Lưu Giang	19	25	8.0	Tám	
20	Nguyễn Trường Giang	20	34	6.0	Sáu	
21	Đặng Hoàng Giáp	21	40	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Hải Hà	22	05	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Vũ Xuân Hà	23	07	6.5	Sáu rưỡi	
24	Đào Thị Hằng	24	38	8.5	Tám rưỡi	
25	Nguyễn Thị Kim Hằng	25	48	8.0	Tám	
26	Chu Hồng Hạnh	26	41	8.0	Tám	
27	Nguyễn Như Hào	27	31	8.0	Tám	
28	Lâm Thị Hào	28	80	8.0	Tám	
29	Đoàn Xuân Hiến	29	32	7.0	Bảy	
30	Hà Duy Hiệp	30	09	7.0	Bảy	
31	Phạm Thị Hiếu	31	52	8.0	Tám	
32	Nguyễn Quang Hợp	32	64	8.0	Tám	
33	Hoàng Văn Huân	33	44	7.0	Bảy	
34	Bùi Thị Kim Huế	34	67	8.0	Tám	
35	Dương Thị Huệ	35	03	8.0	Tám	
36	Lê Thị Huệ	36	63	8.0	Tám	
37	Mai Thị Huệ	37	37	8.0	Tám	
38	Vũ Thị Huệ	38	42	7.0	Bảy	
39	Lương Thái Hùng	39	45	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Mạnh Hùng	40	22	8.0	Tám	
41	Đào Thị Hương	41	39	8.0	Tám	
42	Đồng Thị Thu Hương	42	50	8.0	Tám	
43	Đoàn Thị Phương Hương	43	76	8.0	Tám	
44	Trịnh Thị Hưởng	44	11	8.0	Tám	
45	Nguyễn Đình Huy	45	18	7.0	Bảy	
46	Đào Văn Huy	46	08	6.5	Sáu rưỡi	
47	Nguyễn Tiến Lâm	47	01	7.0	Bảy	
48	Dương Thị Lành	48	71	8.5	Tám rưỡi	
49	Hoàng Thị Liên	49	77	7.0	Bảy	
50	Ngô Thị Loan	50	47	8.0	Tám	
51	Vũ Thị Loan	51	35	8.0	Tám	
52	Dương Minh Long	52	-	-	-	Không đủ ĐKDT

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Hoàng Văn Long	53	59	7.0	Bảy	
54	Vũ Thị Luận	54	75	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Thị Lý	55	56	8.0	Tám	
56	Vũ Thị Mai	56	74	8.0	Tám	
57	Đỗ Văn Nam	57	85	8.0	Tám	
58	Đào Thị Nga	58	61	8.5	Tám rưỡi	
59	Nguyễn Thị Ngân	59	66	8.0	Tám	
60	Dương Duy Nhất	60	49	8.0	Tám	
61	Hà Thị Nhung	61	73	8.0	Tám	
62	Trần Đại Quân	62	57	7.0	Bảy	
63	Tạ Văn Quang	63	55	7.5	Bảy rưỡi	
64	Triệu Văn Quảng	64	20	6.5	Sáu rưỡi	
65	Nguyễn Thanh Sơn	65	68	8.0	Tám	
66	Nguyễn Thị Thanh	66	82	7.5	Bảy rưỡi	
67	Ngô Bích Thịnh	67	69	8.0	Tám	
68	Lê Minh Thu	68	02	8.0	Tám	
69	Đàm Thị Thùy	69	83	8.0	Tám	
70	Đào Thị Thủy	70	78	7.5	Bảy rưỡi	
71	Phạm Huyền Thương	71	28	7.5	Bảy rưỡi	
72	Lã Thị Tiến	72	17	8.5	Tám rưỡi	
73	Hoàng Huyền Trang	73	29	8.0	Tám	
74	Nguyễn Văn Trình	74	58	6.5	Sáu rưỡi	
75	Hoàng Văn Trung	75	51	7.0	Bảy	
76	Lý Thành Trung	76	30	7.5	Bảy rưỡi	
77	Đặng Minh Tú	77	-	-	-	Không đủ ĐKDT
78	Ngô Văn Tư	78	54	7.5	Bảy rưỡi	
79	Dương Văn Tuấn	79	62	7.5	Bảy rưỡi	
80	Triệu Thanh Tuấn	80	21	7.0	Bảy	
81	Bùi Tiến Tùng	81	13	6.5	Sáu rưỡi	
82	Dương Khắc Tùng	82	16	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	83	53	8.0	Tám	
84	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	84	84	7.5	Bảy rưỡi	
85	Hoàng Quốc Việt	85	26	7.5	Bảy rưỡi	
86	Lê Quang Việt	86	60	8.0	Tám	
87	Lê Văn Vĩnh	87	06	8.0	Tám	
88	Hoàng Thị Hải Yến	88	36	8.0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

